

Số: 20/2021/HS-ST

Ngày: 02/7/2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Nguyên Khoa.

Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Tư.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Lành

Ông Nguyễn Thanh Trang

Bà Trần Phan Nhã Trúc.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Tô Thị Út – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa:**

Ông Võ Hồng Phong - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 7 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 13/2021/TLST-HS, ngày 20/5/2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2021/QĐXXST-HS, ngày 11/6/2021 đối với các bị cáo:

- **Bị cáo thứ nhất:** **X**, sinh năm 1988, tại thị xã M, tỉnh Vĩnh Long; nơi cư trú: Tổ 20, ấp H, xã B, thị xã M, tỉnh Vĩnh Long; nghề nghiệp: Mua bán; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Hoàng M và bà Võ Thị Đ; có vợ là Lê Thị H và 02 người con (lớn sinh năm 2009, nhỏ sinh năm 2018); tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 11/9/2020 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

- **Bị cáo thứ hai:** **Q**, sinh năm 1998, tại tỉnh Hậu Giang; nơi cư trú: Số 211, ấp H, xã X, huyện A, tỉnh Hậu Giang; nghề nghiệp: Tài xế; trình độ học vấn: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn L và bà Lê Thị H; có vợ là Đỗ Thanh H và 01 người con sinh năm 2011; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 11/9/2020 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

- **Người bào chữa cho bị cáo Lê Hoàng X:** Luật sư **Phạm T** – Văn phòng luật sư T thuộc Đoàn luật sư tỉnh Vĩnh Long. (có mặt).

Địa chỉ: Số 63, V, Phường M, thành phố L, tỉnh Vĩnh Long.

- **Người bào chữa cho bị cáo Lê Hồng Quang:** Luật sư **Nguyễn T** – Văn phòng luật sư H thuộc Đoàn luật sư tỉnh Vĩnh Long. (có mặt)

Địa chỉ: Số 60/5H, T, Khóm B, Phường B, thành phố L, tỉnh Vĩnh Long.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

Anh **Lê Văn L**, sinh năm 1968 (cha của bị cáo Q, có mặt)

Chị **Lê Thị H**, sinh năm 1966 (mẹ của bị cáo Q, vắng mặt)

Địa chỉ: Số 211, ấp H, xã X, huyện A, tỉnh Hậu Giang.

- Người làm chứng: Anh **Đình Minh T**, sinh năm 1987 (có mặt)

Địa chỉ: Số 101, ấp B, xã X, huyện A, tỉnh Hậu Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Q hành nghề mua bán trái cây và quen biết từ trước với X từ việc mua bán trái cây, X biết Q thường đi thành phố Hồ Chí Minh vận chuyển trái cây và mua nguyên vật liệu về làm giày, dép nên X đã từng thuê Q vận chuyển đồ dùng phục vụ đám tiệc.

Ngày 11/9/2020, X thuê Q vận chuyển ma túy từ thành phố Hồ Chí Minh về thị xã M với giá 3.000.000 đồng. Đến khoảng 11 giờ 45 phút cùng ngày, Q điều khiển xe ô tô tải biển số 95C-...17 và trên xe còn có Đình Minh T. Khi đến đoạn đường thuộc khóm T, phường N, thành phố L, tỉnh Vĩnh Long thì bị lực lượng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy bắt quả tang, thu giữ gồm: 01 vỏ bịt khoai môn sậy hiệu Vinamit bên trong chứa 01 bịt nylon màu đen, trong bịt nylon màu đen có 01 bịt nylon màu trắng chứa tinh thể màu trắng.

Tại kết luận giám định số 429, ngày 15/9/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Vĩnh Long kết luận tinh thể màu trắng thu giữ trên xe ô tô tải như trên là ma túy, khối lượng 97,3711 gam loại Methamphetamine.

Trong quá trình điều tra, X thừa nhận đã mua ma túy của Q nhiều lần và bán lại người sử dụng là Bùi Thanh N, sinh năm 1999, ngụ tại ấp H, xã B, thị xã M, tỉnh Vĩnh Long là 02 lần, mỗi lần 25.000.000 đồng trong đó Nguyễn Trí B, sinh năm 1999, ngụ tại ấp H, xã N, huyện S, tỉnh Sóc Trăng do không biết ma túy nên nhận dùm 01 lần; X bán cho người sử dụng là Lý Thanh H, sinh năm 1999, ngụ tại ấp H, xã B, thị xã M, tỉnh Vĩnh Long là 02 lần, mỗi lần 200.000 đồng. Tiếp tục đến ngày 11/9/2020, X đã chuyển tiền cho Q 2.000.000 đồng mua ma túy thì bị bắt quả tang. Tuy nhiên, Q chỉ thừa nhận vận chuyển ma túy cho X 01 lần thì bị bắt quả tang và trước đây Q có vận chuyển hàng hóa cho X 02 lần (01 lần là 04 cái sọt nhựa chứa nhiều bịt nylon và 01 lần là 01 hộp bánh bằng giấy) nhưng Q không kiểm tra xem bên trong có chứa gì. Đối với Đặng Minh T được Q thuê đi theo xe tải để phụ vận chuyển hàng hóa và ban đầu không biết trên xe có chở ma túy.

- Tại Cáo trạng số 20/CT-VKS-P1 ngày 13/5/2021 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long truy tố Q về tội “Vận chuyển trái phép chất ma túy” quy định tại điểm b khoản 3 Điều 250 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017) và truy tố X về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” quy định tại điểm b khoản 3 Điều 251 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017).

- Tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng trình bày:

+ *Bị cáo X khai nhận*: Có mua ma túy của Q 05 lần chứ không có thuê Q vận chuyển, mỗi lần đặt mua là 50gam ma túy đá loại Methamphetamine, mục đích của X mua ma túy về để phân ra nhỏ lẻ bán lại cho các đối tượng nghiện mua túy. Vào ngày 10/9/2020, X đặt mua của Q 50gam ma túy đá loại Methamphetamine với giá 21.000.000 đồng, qua ngày hôm sau (ngày 11/9/2020), X chuyển cho Q số tiền là 7.000.000 đồng, trong đó trả tiền mua ma túy là 2.000.000 đồng và trả tiền nợ mua trái cây của Q là 5.000.000 đồng. Q hẹn buổi trưa ngày 11/9/2020 sẽ giao ma túy cho X nhưng chưa giao thì Q đã bị bắt quả tang.

+ *Bị cáo Q khai nhận*: Có vận chuyển hàng hóa cho X tổng cộng là 03 lần, trong đó 02 lần đầu (01 lần là 04 cái sọt nhựa chứa nhiều bịch nylon và 01 lần là 01 hộp bánh bằng giấy), giá thuê mỗi lần là 1.000.000 đồng, nhưng hàng hóa thì Q không kiểm tra xem bên trong có chứa gì. Lần 03, vào ngày 11/9/2020 X thuê Q nhận hàng hóa (vỏ bịch khoai môn sáy) từ thành phố Hồ Chí Minh chuyển về thị xã M giao lại cho X với giá 3.000.000 đồng, trên đường vận chuyển Q xem bên trong bịch và biết là ma túy nhưng Q vẫn tiếp tục vận chuyển về giao cho X để nhận tiền vận chuyển và bị lực lượng Công an bắt quả tang.

+ *Người làm chứng Đặng Minh T trình bày*: T được Q thuê đi theo xe tải để phụ vận chuyển hàng hóa là trái cây (chuối), giày, dép từ tỉnh Hậu Giang đến huyện M, thành phố Hồ Chí Minh và ngược lại để giao, nhận hàng, mỗi chuyến đi và về thì Q trả tiền công cho T là 200.000 đồng. Từ trước đến nay thì T không biết Q có liên quan gì đến mua túy, còn đối với X thì T hoàn toàn không biết.

+ *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Lê Văn L trình bày*:

Xe ô tô biển số đăng ký 95C-...17 do ông Lê Văn L đứng tên chủ sở hữu và xe này vợ chồng ông sử dụng vào việc vận chuyển trái cây từ tỉnh Hậu Giang đến thành phố Hồ Chí Minh để bán và nhận nguyên liệu giày, dép từ thành phố Hồ Chí Minh về gia đình tại tỉnh Hậu Giang để làm gia công. Các lần vận chuyển thì ông giao xe ô tô tải cho con là bị cáo Q quản lý sử dụng, nhưng ông hoàn toàn không biết việc Q sử dụng xe để vận chuyển trái phép chất ma túy. Do xe là phương tiện vận chuyển hàng hóa trong kinh doanh của gia đình nên ông có làm đơn nhận lại xe và đã nhận xong.

- Quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bị cáo Q phạm tội “Vận chuyển trái phép chất ma túy” và tuyên bị cáo X phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Về điều luật áp dụng và mức hình phạt:

+ Đối với bị cáo Q: Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 250; điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017). Đề nghị tuyên phạt bị cáo mức án tù 15 năm đến 17 năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam là ngày 11/9/2020.

+ Đối với bị cáo X: Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017). Đề nghị tuyên phạt bị cáo mức án tù 15 năm đến 17 năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam là ngày 11/9/2020.

Về hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 5 Điều 250 và khoản 5 Điều 251 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017). Buộc mỗi bị cáo phải nộp 6.000.000 đồng.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Đề nghị tịch thu tiêu hủy:

+ 01 gói niêm phong số 429/tinh thể ngày 15/9/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Vĩnh Long;

+ 01 gói niêm phong chứa vỏ bao gói hoàn lại sau giám định (theo Kết luận giám định số 437/KLGĐ-PC09) của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Vĩnh Long;

+ 01 gói niêm phong số 430/tinh thể ngày 15/9/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Vĩnh Long;

+ 01 gói niêm phong chứa vỏ bao gói hoàn lại sau giám định (theo Kết luận giám định số 438/KLGĐ-PC09) của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Vĩnh Long, bên trong gồm có 01 cân điện tử hiệu Marlborolight và 01 bịch nylon màu đen, 01 bịch nylon màu trắng;

+ 100 bịch nylon màu trắng, viền màu đỏ, bóp miệng, bên trong rỗng;

+ 24 bịch nylon màu trắng, viền màu đỏ, bóp miệng, bên trong rỗng;

+ 01 cái muỗng bằng kim loại màu trắng;

+ 02 cục pin tiêu hiệu Panasonic.

Đề nghị tịch thu sung vào ngân sách nhà nước:

+ 01 điện thoại di động hiệu Iphone màu đen được niêm phong bên ngoài có chữ ký của Q;

+ 01 điện thoại di động hiệu Nokia của X;

+ Số tiền 2.000.000 đồng của bị cáo X chuyển cho bị cáo Q trong việc vận chuyển, mua bán ma túy, nhưng được khấu trừ vào số tiền thu giữ của bị cáo Q đã nộp là 17.650.000 đồng tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long ngày 17/5/2021. Số tiền còn lại của bị cáo Q tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Hoàn trả lại cho bị cáo X 01 điện thoại di động hiệu Samsung. Tiếp tục tạm giữ số tiền thu giữ của bị cáo X là 440.000 đồng và đã nộp tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long để đảm bảo thi hành án.

Hoàn trả lại cho bị cáo Q:

+ 01 giấy chứng minh nhân dân tên Q;

+ 02 giấy phép lái xe tên Q;

+ 01 điện thoại di động hiệu Iphone màu trắng, được niêm phong bên ngoài có chữ ký của Q;

Hoàn trả lại cho Đinh Minh T:

+ 01 điện thoại di động màu đen hiệu Viettel và 01 điện thoại hiệu Redmi được niêm phong bên ngoài có chữ ký của T;

+ 01 giấy chứng minh nhân dân của T;

+ Số tiền 700.000 đồng thu giữ của T đã nộp tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long ngày 17/5/2021.

(Theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 17/5/2021).

Đối với T: Được bị cáo Q thuê theo xe phụ vận chuyển hàng hóa được Q trả tiền thuê theo chuyến. Trong quá trình điều tra, T không biết việc giao dịch mua bán, vận chuyển ma túy giữa Q và X trong vụ án này, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra trả tự do cho T là phù hợp luật định.

Đối với Bùi Thành N và Nguyễn Trí B: Cả hai mua ma túy của bị cáo X về sử dụng đến nay đã hết và thời gian sử dụng ma túy đã lâu nên Cơ quan Công an thông báo về địa phương nơi cư trú của N và B để theo dõi, quản lý, giáo dục là phù hợp.

Đối với Lý Thanh H: Mua ma túy của bị cáo X 02 lần để sử dụng và đã bị Cơ quan Cảnh sát điều tra công an thị xã M, tỉnh Vĩnh Long khởi tố để điều tra về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy, nên không xử lý trong vụ án này.

Đối với người nam tên D giao ma túy cho Q hiện chưa xác minh rõ họ tên thật và địa chỉ. Khi nào Cơ quan Công an điều tra xác minh làm rõ sẽ được xử lý sau.

Về án phí: Căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc mỗi bị cáo nộp 200.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm.

- Quan điểm của người bào chữa cho bị cáo Q:

Về hành vi phạm tội của bị cáo khai nhận tại phiên tòa phù hợp với lời khai trong quá trình điều tra và đã được làm sáng rõ. Bị cáo phạm tội với các tình tiết giảm nhẹ là tự thú khai nhận hành vi mua bán ma túy và sau khi phạm tội đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Hơn nữa, hoàn cảnh gia đình bị cáo gặp khó khăn, nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét xử phạt bị cáo mức án tương xứng để bị cáo cải tạo, sửa chữa trở thành người tốt, sớm trở về lo cho gia đình.

- Quan điểm của người bào chữa cho bị cáo X:

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Tuy nhiên, bị cáo phạm tội với các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là khi bị bắt quả tang, bị cáo tự khai thực hiện hành vi vận chuyển ma túy cho X và giúp Cơ quan điều tra phát hiện hành vi mua bán ma túy của bị cáo X và sau khi phạm tội đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Hơn nữa, bị cáo là lao động chính, có con nhỏ, chưa có tiền án, tiền sự. Vì vậy, căn cứ vào điểm r, s, t khoản 1 Điều 51 và Điều 54 của Bộ luật Hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo dưới mức án thấp nhất theo đề nghị của Viện kiểm sát.

Trong phần tranh luận: Bị cáo X xác định khối lượng ma túy mà bị cáo đặt mua của bị cáo Q là 50gam ma túy đá loại Methamphetamine trước khi bị bắt quả tang, nên đề nghị xem xét lại định lượng ma túy mà bị cáo phạm tội mua bán. Kiểm sát viên xác định khối lượng ma túy được căn cứ theo kết luận giám định là phù hợp, vì việc giao dịch về ma túy giữa hai bị cáo đã hoàn thành trước khi bị bắt quả tang và chỉ có lời khai duy nhất của bị cáo X thừa nhận đặt mua 50gam ma túy đá loại Methamphetamine là chưa đủ cơ sở. Người bào chữa cho các bị cáo và bị cáo Q không tranh luận. Lời nói sau cùng của các bị cáo là xin giảm nhẹ hình phạt để sớm trở về lo cho gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Vĩnh Long, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi và quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Trong quá trình điều tra và lời khai của bị cáo tại phiên tòa xác định:

Ngày 11/9/2020, Q điều khiển xe ô tô tải biển số đăng ký 95C-...17 chở nguyên liệu giày, dép từ thành phố Hồ Chí Minh về tỉnh Hậu Giang, cùng đi theo xe có T. Khi xe đến đoạn đường thuộc khu vực khóm T, phường N, thành phố L, tỉnh Vĩnh Long vào lúc đó là khoảng 11 giờ 45 phút thì bị lực lượng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an tỉnh Vĩnh Long bắt quả tang, thu giữ 01 (một) vỏ bịch khoai môn sấy hiệu Vinamit bên trong chứa 01 bịch nylon màu đen, trong bịch nylon màu đen có 01 bịch nylon màu trắng chứa tinh thể màu trắng. Theo Kết luận giám định số 429 ngày 15/9/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Vĩnh Long thì tinh thể màu trắng thu giữ là ma túy, có khối lượng 97,3711 gam, loại Methamphetamine.

2.1. X khai nhận vào ngày 10/9/2020, có đặt mua của Q khối lượng 50gam ma túy đá loại Methamphetamine với giá 21.000.000 đồng. Ngày 11/9/2020, X chuyển cho Q số tiền là 7.000.000 đồng, trong đó trả trước tiền mua ma túy là 2.000.000 đồng và trả tiền nợ mua trái cây của Q là 5.000.000 đồng. Q hẹn buổi trưa ngày 11/9/2020 sẽ giao ma túy cho X nhưng chưa giao thì Q đã bị bắt quả tang. Mục đích của X mua ma túy để phân ra nhỏ lẻ bán lại cho các đối tượng nghiện ma túy. Như vậy, lời khai nhận của bị cáo X phù hợp với lời khai của các đối tượng mua ma túy của X, không mâu thuẫn và còn phù hợp với các biên bản hoạt động điều tra, cùng với các tài liệu, chứng khác có trong hồ sơ vụ án đã có đủ căn cứ để kết luận X phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, tội phạm và hình phạt quy định tại điểm b khoản 3 Điều 251 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017) theo như luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

2.2. Q khai nhận có vận chuyển hàng hóa cho X tổng cộng là 03 lần, trong đó 02 lần đầu (01 lần là 04 cái sọt nhựa chứa nhiều bịch nylon và 01 lần là 01 hộp bánh bằng giấy), giá thuê mỗi lần là 1.000.000 đồng, nhưng hàng hóa thì Q không kiểm tra xem bên trong có chứa gì. Lần 03, vào ngày 11/9/2020 X thuê Q nhận hàng hóa (vỏ bịch khoai môn sấy) từ thành phố Hồ Chí Minh chuyển về đến thị xã M, tỉnh Vĩnh Long để giao lại cho X. Trên đường vận chuyển Q xem bên trong bịch và biết là ma túy nhưng Q vẫn tiếp tục vận chuyển về giao cho X để nhận tiền vận chuyển và bị lực lượng Công an bắt quả tang. Qua đối chất giữa X và Q thì Q chỉ thừa nhận có vận chuyển ma túy cho X và từ trước đến nay không có bán ma túy cho X.

Như vậy, Q có vận chuyển ma túy cho X không nhằm mục đích mua bán hay tàng trữ và chỉ có lời khai duy nhất của X cho rằng X mua ma túy của Q. Ngoài ra không có tài liệu, chứng cứ nào khác cũng như trong quá trình hoạt động điều tra chưa đủ cơ sở để chứng minh hành vi của Q đủ yếu tố cấu thành tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Do đó, hành vi của Q đủ yếu tố cấu thành tội “Vận chuyển trái phép chất ma túy”, tội phạm và hình phạt quy định tại điểm b khoản 3 Điều 250 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017) theo như luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

[3] Xét hành vi phạm tội của các bị cáo là đặc biệt nghiêm trọng, có tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội đặc biệt lớn. Đã xâm phạm chính sách thống nhất quản lý của Nhà nước về chất ma túy, trực tiếp là hoạt động mua bán, tàng trữ chất ma túy, không những gây mất trật tự, an toàn xã hội mà còn làm ảnh hưởng xấu đến tính mạng, sức khỏe con người, làm phát sinh nhiều loại tội phạm khác. Các bị cáo đều nhận thức được hành vi vận chuyển, mua bán trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện, thể hiện ý thức xem thường pháp luật.

Do đó, khi quyết định hình phạt tùy theo tính chất, mức độ phạm tội của từng bị cáo, về nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để xử phạt các bị cáo với mức án thật nghiêm khắc, nhằm răn đe, giáo dục để các bị cáo có đủ thời gian cải tạo, sửa chữa trở thành người tốt, có ích cho xã hội, đồng thời qua đó nhằm đấu tranh ngăn chặn và phòng ngừa chung cho xã hội đối với loại tội phạm này.

[4] Về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

4.1. Khi bị bắt quả tang, bị cáo Q tích cực giúp Cơ quan cảnh sát điều tra làm rõ hành vi mua bán trái phép chất ma túy của bị cáo X và sau khi phạm tội cũng đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được xem đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo được quy định tại điểm s, t khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017).

4.2. Trong quá trình điều tra, bị cáo X tự thú khai nhận thực hiện hành vi mua bán trái phép chất ma túy cho các đối tượng nghiện ma túy, đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên xem đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo được quy định tại điểm r, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[5] Về hình phạt bổ sung: Căn cứ khoản 5 Điều 250 và khoản 5 Điều 251 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017). Buộc mỗi bị cáo phải nộp số tiền là 6.000.000 đồng.

[6] Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước và tịch thu tiêu hủy đối với vật chứng dùng vào việc phạm tội và khoản thu lợi bất chính từ việc phạm tội. Đối với các loại giấy tờ, tài sản khác không có liên quan và không sử dụng vào việc phạm tội cũng như tài sản của chủ sở hữu không có lỗi trong việc cho người phạm tội sử dụng vào việc thực hiện tội phạm nên được hoàn trả lại.

[7] Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn,

giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

[8] Đối với T đã được Cơ quan điều tra làm rõ là T không biết việc giao dịch mua bán, vận chuyển ma túy giữa Q và X, nên được trả tự do là phù hợp luật định. Đối với Bùi Thành N và Nguyễn Trí B mua ma túy của bị cáo X về sử dụng đến nay đã hết và thời gian sử dụng ma túy đã lâu nên Cơ quan điều tra thông báo về địa phương nơi cư trú của N và B để theo dõi, quản lý, giáo dục là phù hợp. Đối với Lý Thanh H mua ma túy của bị cáo X 02 lần để sử dụng và đã bị Cơ quan Cảnh sát điều tra công an thị xã M, tỉnh Vĩnh Long khởi tố để điều tra về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy, nên không xử lý trong vụ án này. Riêng nam thanh niên tên D giao ma túy cho bị cáo Q hiện chưa biết rõ họ tên thật và địa chỉ. Khi nào Cơ quan Công an điều tra xác minh làm rõ sẽ được xử lý sau.

[9] Xét quan điểm của người bào chữa chỉ định cho các bị cáo có nêu ra các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và đề nghị Hội đồng xét xử giảm mức hình phạt cho các bị cáo là có cơ sở, phù hợp luật định nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Tuyên bố bị cáo Q phạm tội “Vận chuyển trái phép chất ma túy”.

Căn cứ điểm b khoản 3 Điều 250; điểm s, t khoản 1 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo **Q 15 (mười lăm) năm tù**. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 11/9/2020.

[2] Tuyên bố bị cáo X phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”

Căn cứ điểm b khoản 3 Điều 251; điểm r, s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo **X 15 (mười lăm) năm tù**. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 11/9/2020.

[3] Về hình phạt bổ sung: Căn cứ khoản 5 Điều 250 và khoản 5 Điều 251 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Buộc mỗi bị cáo phải nộp số tiền là 6.000.000đ (sáu triệu đồng).

[4] Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017).

4.1. Tịch thu tiêu hủy:

- 01 (một) gói niêm phong số 429/tinh thể ngày 15/9/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Vĩnh Long;

- 01 (một) gói niêm phong chứa vỏ bao gói hoàn lại sau giám định (theo Kết luận giám định số 437/KLGD-PC09) của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Vĩnh Long;

- 01 (một) gói niêm phong số 430/tinh thể ngày 15/9/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Vĩnh Long;

- 01 (một) gói niêm phong chứa vỏ bao gói hoàn lại sau giám định (theo Kết luận giám định số 438/KLGD-PC09) của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Vĩnh Long, bên

trong gồm có 01 cân điện tử hiệu Marlborolight và 01 bịch nylon màu đen, 01 bịch nylon màu trắng;

- 100 bịch nylon màu trắng, viền màu đỏ, bóp miệng, bên trong rỗng;
- 24 bịch nylon màu trắng, viền màu đỏ, bóp miệng, bên trong rỗng;
- 01 cái muỗng bằng kim loại màu trắng;
- 02 cục pin tiêu hiệu Panasonic.

4.2. Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước:

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone màu đen, được niêm phong bên ngoài có chữ ký của Q;

- 01 điện thoại di động hiệu Nokia;

- Số tiền 2.000.000đ (hai triệu đồng) được trích từ số tiền của bị cáo Q đã nộp là 17.650.000đ (mười bảy triệu, sáu trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu số 002495 ngày 17/5/2021 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long. Số tiền còn lại của bị cáo Q là 15.650.000đ (mười lăm triệu, sáu trăm năm mươi nghìn đồng) tiếp tục tạm giữ để đảm bảo cho việc thi hành án.

4.3. Hoàn trả lại cho bị cáo Q:

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone màu trắng, được niêm phong bên ngoài có chữ ký của Q;

- 01 giấy chứng minh nhân dân tên Q;
- 02 giấy phép lái xe tên Q.

4.4. Hoàn trả lại cho bị cáo X 01 điện thoại di động hiệu Samsung. Tiếp tục tạm giữ số tiền 440.000đ (bốn trăm bốn mươi nghìn đồng) của bị cáo X đã nộp theo biên lai thu số 002497 ngày 17/5/2021 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long để đảm bảo cho việc thi hành án.

4.5. Hoàn trả lại cho T:

- 01 điện thoại di động màu đen hiệu Viettel và 01 điện thoại hiệu Redmi được niêm phong bên ngoài có chữ ký của T;

- 01 giấy chứng minh nhân dân của T;

- Số tiền 700.000đ (bảy trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền số 002496 ngày 17/5/2021 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long.

(Theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 17/5/2021).

[5] Về án phí: Căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc mỗi bị cáo nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án

theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bị cáo, người tham gia tố tụng có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Những người tham gia tố tụng vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết tại nơi cư trú.

Nơi nhận:

- TAND + VKSND CC;
- VKSND TVL;
- Cục THADS TVL;
- Sở Tư pháp TVL;
- Phòng hồ sơ CATVL;
- CQ CSĐT (PC04) CATVL;
- Trại Tạm giam CATVL;
- UBND nơi cú của các bị cáo;
- Bị cáo, Người TGTT khác (nếu có);
- TAND TVL;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHỨC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Nguyên Khoa